

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/05/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK3+P1+P11	7:25	10+5+5	0+0+0		5+3+10	0+0+0	chuyen 1 BK3- P1
2		P9+P2	7:25	14+8	0+0		12+10	0+0	
3		CTK3+BK6-P10	7:25	10+10+2	0+0+0		3+13+6	0+0+0	
4		TD2+MRM	7:25	9+11	0+0		9+11	0+0	
5		BK8+P2	9:25	4+18	0+0		0+17	0+0	
6		CLO-P10	9:25	3+19	0		22	0	
7		BK4+BK5+P9	9:25	9+0+13	0+0+0		5+3+14	0+0+0	7 NGUOI TU
8		TTCl+P6+BK10	9:25	13+1+8	0+0+0		7+5+7	0+0+0	TTCl2 VE QUA TTCl
9		TD1+P10	11:25	10+10	0+0		1+17	0+0	
10		P10	17:25	0	0		0	0	HUAN LUYEN BAY

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: BK3 - P1 - P11	CREW: Phong - ĐNam - Huy	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	THAI HAI HA	BK3	24	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ CÔNG VINH	BK3	31	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN MANH HUNG	BK3	37	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ ĐÌNH THUẬN	BK3	29-30	2	10	30	63	KH-THAC	Vietnamese
5	TÔ ĐÌNH TUYẾN	BK3	33	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM HIỀN TRƯỞNG	BK3	28	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐỖ TUẤN VIỆT	BK3	32	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN BÀ DUY	BK3	27	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM TUẤN VIỆT	BK3	34	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VIỆT BÌNH	BK3	25-26	2	10		60	PSV	Vietnamese
11	HỒ NGỌC BÈN	P1	48	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	ZHUCK	P1	57-58	2	15	90	90	KH-THAC	Russian
13	ĐINH VĂN TÂM	P1	50	1	10	20	65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TÂN PHONG	P1	49	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
15	HOÀNG MẠNH CƯỜNG	P11	34	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG BẢNG	P11	32	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN TRỌNG HIẾU	P11	42-41	2	15		60	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM VĂN KHUÔNG	P11	39-40	2	17	40	70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN HIỀN	P11	30-31	2	12		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	10	12	70	678	30	5 + 1		CHUYEN 01 PAX TU BK3 SANG P1
2	P1	4	5	42	295	110	3		
3	P11	5	8	59	320	40	10		
TOTAL		19	25	171	1.293	180	18		
WEIGHT KG				171	1.293	180			

GRAND TOAL: 1.644 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: P9 - P2	CREW: Bằng - MTHẮNG - TDUNG	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN BÁ THANH	P9	99	1	5	60	70	KH-THAC	Vietnamese
2	HỒ ĐỨC HIỀN	P9	500	1	10		52	YTE	Vietnamese
3	TRẦN VĂN QUÊ	P9	37	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN THANH HAI	P9	29	1	7		83	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN DUY ANH	P9	24	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
6	TRƯƠNG THẾ DUNG	P9	23	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ TAM THUY	P9	31	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ LĂNG TỬ	P9	44	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN XUÂN HUONG	P9	26	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ VĂN LINH	P9	32	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ NAM GIANG	P9	25	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HOÀI THANH	P9	28	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TUẤN ANH	P9	27	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN ĐA KHA	P9	30	1	4		89	KH-THAC	Vietnamese
15	HUA SAY	P9	47	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM XUÂN HÒA	P2					80	YTE	Vietnamese
17	PHẠM THIÊN NAM	P2	80-81	2	15		68	KH-THAC	Vietnamese
18	PARSHIN	P2	74	1	14	9	88	KH-THAC	Russian
19	VŨ DUY TOÀN	P2	72	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ VĂN CUONG	P2	76	1	4	50	89	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM XUÂN VINH PHÚC	P2	79	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	P2	75	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

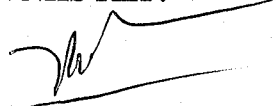
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	15	15	88	1.047	60	12		
2	P2	7	7	51	533	59	10		
TOTAL		22	22	139	1.580	119	22		
WEIGHT KG				139	1.580	119			

GRAND TOAL: 1.838 KGS

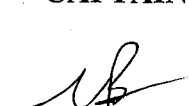
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: CTK3 - BK6 - P10	CREW: Nam - Mạnh - QTrưởng	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TẶNG XUÂN CHÍN -CNV	CTK3	74,85	2	20		80	KH-THAC	Vietnamese
2	CAO VĂN THẮNG -CNV	CTK3	75	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN SƠN -CNV	CTK3	82	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
4	HUYNH QUANG HIẾN -CNV	CTK3	80-81	2	10		50	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN THANH HAI -CNV	CTK3	83-84	2	12		82	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN KHÁC HÙNG -CNV	CTK3	76-77	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI ĐÌNH PHI	CTK3	78-79	2	12		64	NIPI	Vietnamese
8	NGUYỄN TIẾN DŨNG	CTK3	12-13	2	12		58	NIPI	Vietnamese
9	ĐÌNH HỒNG THẮNG	CTK3					70	SANBAY	Vietnamese
10	BUI ĐỨC HẬU	BK6	59-60	2	18	40	56	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH TUNG	BK6	57-58	2	18		78	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG BÌNH	P10	59	1	5		68	YTE	Vietnamese
13	LÊ BÀ HÒA	P10	56	1	15		78	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ NGUYỄN TRUNG	P10					49	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	P10	58	1	12		78	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN THẮNG	P10	53-54	2	15		57	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THẾ HÙNG	P10					78	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ ĐĂNG HOANG	P10	57	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM VĂN HƯƠNG	P10	55	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG SY NGUYỄN	P10	60	1	4		81	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐẶNG VĂN HỘI	P10	61	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
22	DO TRUONG THINH	P10	74	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	9	14	88	614	0	3		
2	BK6	2	4	36	134	40	6		
3	P10	11	10	79	760	0	13		
TOTAL		22	28	203	1.508	40	22		
WEIGHT KG				203	1.508	40			

GRAND TOAL: 1.751 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:50
FLIGHT: 4	TO: TD2 - MRM	CREW: Hồi - Dương - Năm	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN MẠNH HÙNG	TD2	49	1	5	28	60	KH-THAC	Vietnamese
2	VOEVODCHENKOV N. V	TD2	53	1	8	21	96	KH-THAC	Russian
3	NGUYỄN HOÀNG KHA	TD2	47	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
4	LƯU TIẾN THÀNH	TD2	46	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN QUANG HOÀNG	TD2	48	1	11		63	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN BÀ THUẬN	TD2	52	1	12		68	CODIEN	Vietnamese
7	PHẠM VĂN DŨNG	TD2	50-51	2	16		52	CODIEN	Vietnamese
8	NGÔ TRI HOÀNG	TD2	45	1	10		70	DVL	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TRUNG	TD2	54	1	8		78	PSV	Vietnamese
10	TARANENCO ALEKSEI	MRM	28-29	2	8		110	KHOAN	Russian
11	NGUYỄN DUY BÌNH	MRM	33	1	10	28	75	KHOAN	Vietnamese
12	ALEXANDER POPOV	MRM	26-27	2	12		90	KHOAN	Russian
13	NGUYỄN MẠNH HOÀN	MRM	31	1	9		63	KHOAN	Vietnamese
14	KIEU TUẤN ANH	MRM	36	1	9		88	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN HÙNG DŨNG	MRM	34	1	9		75	KHOAN	Vietnamese
16	LƯU DINH TRỌNG	MRM	32	1	16		75	KHOAN	Vietnamese
17	VU XUÂN CĂN	MRM	37	1	12		68	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU HÀ	MRM	30	1	12		70	KHOAN	Vietnamese
19	BUI HUY BANG	MRM	43	1	13		65	KHOAN	Vietnamese
20	LE HOÀI THIÊN	MRM	35	1	14	11	75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

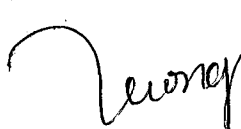
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	9	10	86	637	49	9		
2	MRM	11	13	124	854	39	11		
TOTAL		20	23	210	1.491	88	20		
WEIGHT KG				210	1.491	88			

GRAND TOAL: 1.789 KGS

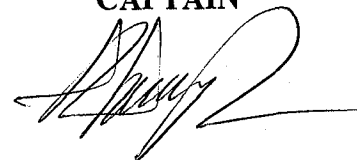
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:30
FLIGHT: 5	TO: BK8 - P2	CREW: Phong - ĐNam - Huy	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG QUỐC VIỆN	BK8	56	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	CAO VĂN HỘI	BK8	57	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ VĂN ĐÔNG	BK8	55	1	5	40	60	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HỮU THANH	BK8	51	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN ANH ĐỨC	P2	56-57	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN ĐỨC DỤC	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
7	HỒ CÔNG ANH	P2					68	KH-THAC	Vietnamese
8	BIỆN ĐĂNG SÂM	P2	63	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN MẠNH UT	P2	62	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG THANH TRUNG	P2	60	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ TRI HAO	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUYẾT CHIẾN	P2	61	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN PHONG	P2	64	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
14	THAI HOANG TÂM	P2	59	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG QUANG TÊ	P2	58	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
16	HOÀNG MINH QUÂN	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI MINH TRI	P2	53-54	2	10	10	65	T-TIN	Vietnamese
18	BUI NGOC TÂN	P2	51	1	5		65	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN MINH ĐÔNG	P2	55	1	5		47	PSV	Vietnamese
20	TRƯƠNG TRỌNG HÂN	P2	52	1	5		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	4	4	22	265	40	0		
2	P2	16	14	70	1.054	10	22		
TOTAL		20	18	92	1.319	50	22		
WEIGHT KG				92	1.319	50			

GRAND TOAL: 1.451 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:35
FLIGHT: 6	TO: CLO - P10	CREW: Bằng - MTHẮNG - TDUNG	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN QUYET	CLO	88	1	9		85	KHOAN	Vietnamese
2	LE HUU HAU	CLO	90	1	7		69	KHOAN	Vietnamese
3	DUONG QUOC VIET	CLO	89	1	9		85	KHOAN	Vietnamese
4	VU BAO TRUNG	P10	89	1	5		86	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN HUÂN	P10	77	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỖ LÊNH ĐẠO	P10					85	KH-THAC	Vietnamese
7	TRINH XUAN QUAN	P10	80	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN QUOC PHI	P10	85	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM HỮU TRI	P10	76	1	2		63	KH-THAC	Vietnamese
10	VU DINH QUANG	P10	93	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN BAO TOAN	P10	86	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
12	HUYNH CONG VAN	P10	84	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN THAO	P10					68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VU KIEN	P10	75	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN QUOC ANH	P10	92	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG NGOC CUONG	P10	78-79	2	20		78	XAYLAP	Vietnamese
17	PHẠM THẾ TRƯỞNG	P10	81-82	2	20		68	XAYLAP	Vietnamese
18	TRAN NGOC THE	P10	94-95	2	15		64	XAYLAP	Vietnamese
19	TRAN XUAN TRUONG	P10	87-88	2	11		80	XAYLAP	Vietnamese
20	LUU CONG DINH	P10	91	1	6		64	XAYLAP	Vietnamese
21	LÊ DINH HIÊU	P10	90	1	10		67	XAYLAP	Vietnamese
22	HOANG XUAN KIEN	P10	83	1	19		60	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	3	3	25	239	0	0		
2	P10	19	21	152	1.371	0	22		
TOTAL		22	24	177	1.610	0	22		
WEIGHT KG				177	1.610	0			

GRAND TOAL: 1.787 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 9	TO: BK4 - BK5 - P9	CREW: Nam - Mạnh - QTrưởng	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BABKIN A.M	BK4	67	1	10		88	KH-THAC	Russian
2	TÔNG TRUNG HUY	BK4	71	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN ĐỨC BA	BK4	68	1	3		85	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐOÀN NGUYỄN BAO CHÂU	BK4	70	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH CÔNG	BK4	63	1	10	10	74	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN VŨ HÙNG	BK4	66	1	11		80	CODIEN	Vietnamese
7	VŨ NGỌC THAI SƠN	BK4	69	1	10	40	67	CODIEN	Vietnamese
8	TRƯỜNG QUANG TỰU	BK4	61-62	2	10	30	69	T-TIN	Vietnamese
9	HỒ VĂN ĐỨC	BK4	72-73	2	5		65	PSV	Vietnamese
10	TRINH THẾ NHÂN	P9	08	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH TUNG	P9	11	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN MINH HIỆN	P9	09	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HUY	P9	12	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN HỮU TRI	P9	07	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI CÔNG THẮNG	P9	01	1	10		58	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG ĐỨC HẢI	P9	02	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN NGỌC ĐO	P9	05	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM TIỀN PHƯỢNG	P9	03	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	TRINH HUY KIỆM	P9	04	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	P9	10	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN KIM NGỌC	P9	06	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

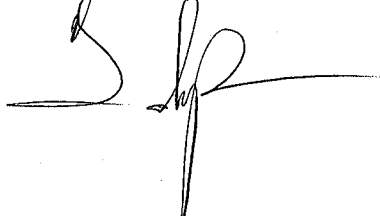
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	9	11	68	666	80	5		
2	BK5	0	0	0	0	30	3		
3	P9	12	12	63	824	0	14		
TOTAL		21	23	131	1.490	110	22		
WEIGHT KG				131	1.490	110			

GRAND TOAL: 1.731 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 8	TO: TTC1 - P6 - BK10	CREW: Hôi - Dương - Năm	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU MANH THANG	TTC1	86	1	5		73	GETRACO	Vietnamese
2	VU HUU CHINH	TTC1	94	1	12		60	KH-THAC	Vietnamese
3	LE HUY MANH	TTC1	99	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐAM VAN QUANG	TTC1	98	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
5	HA VAN CANH	TTC1	85	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
6	VU NGOC CANH	TTC1	91-92	2	17	45	75	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYEN DINH PHUONG	TTC1	93	1	8		80	CODIEN	Vietnamese
8	PHAM HONG QUY	TTC1	95	1	10	33	68	DVL	Vietnamese
9	NGUYEN DUNG	TTC1	88	1	12		59	DVL	Vietnamese
10	NGUYEN CHI LINH	TTC1	89	1	8		82	DVL	Vietnamese
11	TRAN VAN THU	TTC1	87	1	16		55	DVL	Vietnamese
12	DINH VAN DONG	TTC1	90	1	10		60	DVL	Vietnamese
13	NHAM DUC TUAN	TTC1	96-97	2	12		68	DVL	Vietnamese
14	BUI SY CUONG	P6	35	1	6		60	GETRACO	Vietnamese
15	NGUYEN VAN HONG	BK10	64	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN CONG HOAN	BK10	69-70	2	10	10	66	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN CHAU NAM	BK10	54-55	2	12		87	KH-THAC	Vietnamese
18	NGHIEM XUAN ANH	BK10	65	1	8	16	60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN NGOC TUAN	BK10	96	1	8		79	KH-THAC	Vietnamese
20	CAO KINH THAO	BK10	52	1	15		70	T-TIN	Vietnamese
21	NGUYEN HUU DUC	BK10	53	1	15	13	86	T-TIN	Vietnamese
22	MAI CAO DINH	BK10	50-51	2	10		56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	13	15	140	885	78	5		
2	P6	1	1	6	60	0	5		
3	BK10	8	11	83	567	39	7		
TOTAL		22	27	229	1.512	117	17		
WEIGHT KG				229	1.512	117			

GRAND TOAL: 1.858 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:30
FLIGHT: 7	TO: TD1 - P10	CREW: Phong - XTrường - DTùng	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN TỰ	TD1	63	1	7		67	VINH NAM	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN TÀI	TD1	61-62	2	13		72	VINH NAM	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH HẢI	TD1	71	1	20		74	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN CÔNG TÂM	TD1	69	1	9		67	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN TỰ ĐỘ	TD1	72	1	13	54	63	KHOAN	Vietnamese
6	BUI QUANG TUYNH	TD1	70	1	5		52	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU TRUNG	TD1	67	1	13		74	KHOAN	Vietnamese
8	LUÔNG HUNG TRIẾT	TD1	65	1	15		69	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ HAI NGẠN	TD1	68	1	10		56	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TỊNH	TD1	66	1	9		75	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN CAO TRI	P10	76-77	2	10		60	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐO TIEN MẠNH	P10	99,3000	2	20		76	XAYLAP	Vietnamese
13	TRINH DẠC HUNG	P10	68	1	17		65	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM VĂN ĐÌNH	P10	64-65	2	18		75	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN KHẮC QUANG	P10	72-73	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN VĂN HIỆP	P10	62	1	10	11	78	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT MINH	P10	70-71	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH NAM	P10	78	1	8	15	68	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU THỊNH	P10	66-67	2	10		64	XAYLAP	Vietnamese
20	PHẠM TUÂN THANH	P10	69	1	5		77	PSV	Vietnamese
21	ĐẠO NGỌC HẢI	P10	96-97	2	13		68	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN NGỌC MINH	P10	98	1	10		83	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	10	11	114	669	54	2		
2	P10	12	19	159	839	26	17		
TOTAL		22	30	273	1.508	80	19		
WEIGHT KG				273	1.508	80			

GRAND TOAL: 1.861 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN